

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẬU LỘC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **112/2021/DS-ST**
Ngày 21/12/2021.
V/v :Tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC - TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân gồm: Ông Phan Văn Lâm

Ông Lê Lý Bằng

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án

Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện kiểm sát ND huyện Hậu Lộc không tham gia phiên Tòa:

.....

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 90/2021/TLST-DS ngày 16/11/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 140/2021/QĐXXST-DS ngày 10/12/2021. Giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Trần Thị T - sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn X, xã L L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

*** Bị đơn:** Chị Mai Thị T - sinh năm 1980 (tên thường gọi là Th)

Địa chỉ: Thôn X, xã L L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa bà Trần Thị T và chị Mai Thị T (Th) có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo nguyên đơn - bà Trần Thị T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên chị Mai Thị T (tên gọi khác là Mai Thị Th) có đến gia đình tôi vay nợ nhiều lần, cụ thể các lần như sau:

Ngày 30/3/2016, chị T vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất 1%/tháng, không thời hạn.

Ngày 26/6/2017, chị T vay số tiền 90.000.000đ, không tính lãi.

Ngày 20/7/2017, chị T vay thêm số tiền 50.000.000đ, lãi suất 1%/tháng, không thời hạn.

Ngày 04/6/2018, chị T vay tiếp số tiền 50.000.000đ không tính lãi, hạn 6 tháng sau trả lại. Các lần vay chị T đều ký tên là Mai Thị Th.

Đợt vay ngày 26/6/2017, chị T đã trả dần và còn nợ lại tôi số tiền 40.000.000đ.

Như vậy, tổng cộng 4 lần vay chị Mai Thị T (tức Mai Thị Th) còn nợ tôi tổng số tiền là 190.000.000đ. Đã nhiều lần tôi hỏi nợ số tiền trên nhưng chị T cố tình không trả. Nay quan điểm của tôi là đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết buộc chị Mai Thị T, (tức chị Mai Thị Th) phải có trách nhiệm trả ngay cho tôi toàn bộ số tiền 190.000.000đ, tôi không yêu cầu tính lãi.

2. Ý kiến của bị đơn chị Mai Thị T (Mai Thị Th) trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên tôi có vay tiền của bà Trần Thị T ở thôn 5, xã L Lộc với các lần vay cụ thể như sau:

Ngày 30/3/2016, tôi vay bà T số tiền 50.000.000đ, lãi suất 1%/tháng, không thời hạn.

Ngày 26/6/2017, tôi vay số tiền 90.000.000đ, không tính lãi.

Ngày 20/7/2017, tôi vay thêm số tiền 50.000.000đ, lãi suất 1%/tháng, không thời hạn.

Ngày 04/6/2018, tôi vay tiếp số tiền 50.000.000đ không tính lãi, hạn 6 tháng sau trả lại. Các lần vay tôi đều ký tên người vay là Mai Thị Th, thực tế Mai Thị Th và Mai Thị T đều là một người.

Đợt vay ngày 26/6/2017, tôi đã trả dần và còn nợ lại bà T số tiền 40.000.000đ.

Tổng cộng 4 lần vay tôi công nhận còn nợ còn nợ bà Trần Thị T số tiền là 190.000.000đ.

Do hiện nay điều kiện kinh tế gia đình tôi rất khó khăn, mỗi tháng tôi chỉ có 3.400.000đ tiền lương trong khi tôi đang còn phải trả nợ ngân hàng số tiền 95.000.000đ nên tôi chưa thể trả nợ ngay số tiền 190.000.000đ cho bà T được. Mỗi tháng tôi chỉ có thể trả dần cho bà T số tiền 1.000.000đ, nếu bà T không đồng ý thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” giữa bà Trần Thị T và chị Mai Thị T (Th) là tranh chấp dân sự, bị đơn có địa chỉ tại xã L L, huyện Hậu Lộc, Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng như thông báo thụ lý vụ án. Thông báo phiên họp kiểm tra,

tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật cho bà Trần Thị T và chị Mai Thị T (Th). Quá trình hòa giải bà T và chị T không thỏa thuận với nhau về cách giải quyết vụ án, nên đã đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/12/2021 Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, sau khi nhận Quyết định chị T và bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 ; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Do mối quan hệ là hàng xóm với nhau, nên chị Mai Thị T (tên thường gọi là Th) đã đến vay của bà Trần Thị T bốn lần với số tiền cụ thể.

Lần thứ nhất: Ngày 30/3/2016, chị T vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất 1%/tháng, không thời hạn. Lần thứ hai: Ngày 26/6/2017, chị T vay số tiền 90.000.000đ, không tính lãi. Lần thứ ba: Ngày 20/7/2017, chị T vay thêm số tiền 50.000.000đ, lãi suất 1%/tháng, không thời hạn. Lần thứ tư: Ngày 04/6/2018, chị T vay tiếp số tiền 50.000.000đ không tính lãi, hạn 6 tháng sau trả lại. Các lần vay chị T đều ký tên là Mai Thị Th. Tổng cộng = 240.000.000đ, Chị T đã trả dần cho bà T được 50.000.000đ còn lại 190.000.000đ.

Mặc dù bà T đã nhiều lần yêu cầu chị T trả nợ nhưng chị T cố tình không trả. Nay bà T làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết buộc chị Mai Thị T, (tức chị Mai Thị Th) phải có trách nhiệm trả ngay cho bà T toàn bộ số tiền nợ gốc là 190.000.000đ, bà T không yêu cầu tính lãi.

Chị Mai Thị T (Th) công nhận còn nợ còn nợ bà Trần Thị T số tiền là 190.000.000đ. Do hiện nay điều kiện kinh tế gia đình chị rất khó khăn, nên chị chưa thể trả nợ ngay số tiền 190.000.000đ cho bà T được. Chị chỉ có thể trả dần cho bà T mỗi tháng 1.000.000đ, nếu bà T không đồng ý thì chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của bà Trần Thị T không đồng ý và bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Căn cứ các tài liệu chứng cứ mà bà T cung cấp cho Tòa án, cụ thể là giấy vay tiền: Lần thứ nhất ngày 30/3/2016, lần thứ hai: Ngày 26/6/2017, lần thứ ba: Ngày 20/7/2017, Lần thứ tư: Ngày 04/6/2018, với tổng số tiền 240.000.000đ, chị T đã trả cho bà T được 50.000.000đ còn nợ lại 190.000.000đ. Khẳng định việc chị T có nợ của bà T số tiền 190.000.000đ là hoàn toàn có cơ sở phù hợp đúng quy định của pháp luật và được pháp luật dân sự bảo vệ.

Quá trình giải quyết chị T cũng đã công nhận là chị có vay của bà T với tổng số tiền 240.000.000đ, chị T đã trả cho bà T được 50.000.000đ còn nợ lại 190.000.000đ. Việc bà T có đơn khởi kiện đối với chị Mai Thị T (Th) trong phạm vi thời hiệu mà pháp luật quy định. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T khởi kiện đối với chị Mai Thị T (Th). Buộc chị Mai Thị T (Th) phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ **190.000.000đ** là hoàn toàn phù hợp đúng quy định của pháp luật.

[4] Về lãi suất: Bà Trần Thị T không yêu cầu tính lãi, nên HĐXX miễn xét.

[5] Về án phí: Buộc chị Mai Thị T (Th) phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng:** Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 471, 473; 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357, 463, Điều 466, 468; 469 của Bộ luật dân sự 2015. Điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

***Xử:** Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T khởi kiện đối với chị Mai Thị T (tên thường gọi Mai Thị Th)

*Buộc chị Mai Thị T (tên thường gọi Mai Thị Th) phải trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ gốc là **190.000.000đ.** (*Một trăm chín mươi triệu đồng*).

* Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Mai Thị T (Th) không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền trên thì hàng tháng chị Mai Thị T (Th) phải chịu mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

*** Về án phí:** Buộc chị Mai Thị T (Th) phải nộp 9.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Bà Trần Thị T và chị Mai Thị T (Th) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận

- VKSND huyện Hậu lộc;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện;
- Tòa án ND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Chuyên

